

Số: **373/2021/QĐST-HNGĐ**

Thành phố Huế, ngày 29 tháng 7 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; Điều 212; Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 57 và Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 381/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh H.Đ.M.T, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện V, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Chị N.T.T.B, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Đường P, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh H.Đ.M.T và chị N.T.T.B kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã được cha mẹ hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 06/6/2016. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian thì phát sinh nhiều bất đồng mâu thuẫn do tính tình không hợp, quan điểm lối sống có nhiều khác biệt. Đến nay, mâu thuẫn vợ chồng vẫn không giải quyết được, hai người không còn quan tâm gì đến nhau và tình cảm vợ chồng không còn, nên anh T và chị B quyết định ly hôn, cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh H.Đ.M.T và chị N.T.T.B xác nhận có 01 con chung tên là H.N.G.N, sinh ngày 03/3/2017 và thỏa thuận: Giao cháu N cho chị B trực tiếp

chăm sóc nuôi dưỡng, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 3.000.000 đồng kể từ tháng 8/2021 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản (nợ chung): Anh H.Đ.M.T và chị N.T.T.B đều xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự 300.000 đồng: Anh H.Đ.M.T và chị N.T.T.B thỏa thuận, mỗi người chịu 150.000 đồng.

Xét thấy, việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ngày 21 tháng 7 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh H.Đ.M.T và chị N.T.T.B.

- Về con chung: Giao cháu H.N.G.N, sinh ngày 03/3/2017 cho chị N.T.T.B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh H.Đ.M.T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 3.000.000 đồng kể từ tháng 8/2021 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải chịu thêm lãi suất theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền chậm thi hành, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản (nợ chung): Anh H.Đ.M.T và chị N.T.T.B đều xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí dân sự (ly hôn) sơ thẩm: Anh H.Đ.M.T và chị N.T.T.B phải chịu lệ phí dân sự, mỗi người chịu 150.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002947 ngày 12/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H. Anh H.Đ.M.T và chị N.T.T.B đã nộp đủ lệ phí việc dân sự (ly hôn).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh TT – Huế (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- UBND phường V (Số ĐKKH: 63/2016 ngày 06/6/2016);
- Lưu Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Ngô Văn Nam